

Chi tiết mã HS 9010.90.30

Mã HS	9010.90.30
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị dùng trong phòng làm ảnh (kể cả điện ảnh), chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi nào khác thuộc Chương này; máy xem âm bản; màn ảnh của máy chiếu / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Bộ phận và phụ kiện của máy để chiếu hoặc vẽ mạch lên các chất nền có độ nhạy sáng để sản xuất tấm mạch in/tấm dây in
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	01/11/2026 18:49:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90109030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18010
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18010
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18010
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17316
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17245
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17245
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17245
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17245
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17245
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17245
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17301
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17301
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17301
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17301

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17301
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17301
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17302
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17302
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17302
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17302
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17302
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17302
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17307
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17263
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17259
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17259
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17259
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17259
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17259
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17259
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17305
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17305
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17305
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17305
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17305
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17305
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17367
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17367
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17367
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17367

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17367
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17367
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17343
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17343
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17343
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17343
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17343
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17343
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17338
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17338
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17338
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17338
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17338
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17338
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17368
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17368
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17368
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17368
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17368
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17368
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17367
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17367
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17367
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17367
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17367
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17367

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17461
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17461
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17461
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17461
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17461
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17461
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17461
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17330
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17330
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17330
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17330
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17330
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17330
RCEP B	2022	2022	0	B!D17330
RCEP B	2023	2023	0	B!E17330
RCEP B	2024	2024	0	B!F17330
RCEP B	2025	2025	0	B!G17330
RCEP B	2026	2026	0	B!H17330
RCEP B	2027	2027	0	B!I17330
RCEP C	2022	2022	0	C!D17328
RCEP C	2023	2023	0	C!E17328
RCEP C	2024	2024	0	C!F17328
RCEP C	2025	2025	0	C!G17328
RCEP C	2026	2026	0	C!H17328
RCEP C	2027	2027	0	C!I17328
RCEP D	2022	2022	0	D!D17327

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17327
RCEP D	2024	2024	0	D!F17327
RCEP D	2025	2025	0	D!G17327
RCEP D	2026	2026	0	D!H17327
RCEP D	2027	2027	0	D!I17327
RCEP E	2022	2022	0	E!D17331
RCEP E	2023	2023	0	E!E17331
RCEP E	2024	2024	0	E!F17331
RCEP E	2025	2025	0	E!G17331
RCEP E	2026	2026	0	E!H17331
RCEP E	2027	2027	0	E!I17331
RCEP F	2022	2022	0	F!D17330
RCEP F	2023	2023	0	F!E17330
RCEP F	2024	2024	0	F!F17330
RCEP F	2025	2025	0	F!G17330
RCEP F	2026	2026	0	F!H17330
RCEP F	2027	2027	0	F!I17330
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16252
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16252
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16252
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16252

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9010.90 có 3 dòng thuế; dòng 9010.90.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bộ phận và phụ kiện của máy để chiếu hoặc vẽ mạch lên các chất nền có độ nhạy sáng để sản xuất tấm mạch in/tấm dây in.	9010.90.20 Cửa hàng hóa thuộc phân nhóm 9010.10.00; 9010.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9010.90.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9010.90.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18010), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.